

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 10 - 9 - 2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thủy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Thành và ông Phạm Tiến Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị B, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 5, T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Hiện cư trú tại: S, K, M 10-6 P, M 301, Nhật Bản, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn T để giao nhận tài liệu, chứng cứ và thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị B, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 5, T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Đinh Thị B và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 22 tháng 01 năm 2013 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới ngày 03/02/2013 theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, hay xảy ra bất đồng quan điểm và

không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 4 năm 2018, anh T đi du học tại Nhật Bản; thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn quan tâm tới nhau nữa và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Anh chị thống nhất xác định có 01 cháu tên là Trần Minh N, sinh ngày 12/01/2014; hiện cháu N đang ở với chị Đinh Thị B. Khi ly hôn chị B xin nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Quan điểm của anh T cũng muốn nuôi con chung; nếu Tòa án giao con chung cho chị B nuôi dưỡng thì anh T nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng và yêu cầu chị B không được ngăn cản việc trông nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đinh Thị B giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị B và anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cho chị B nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh N, sinh ngày 12/01/2014 cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B số tiền 5.000.000 đồng/01 tháng và chị B tự nguyện nộp cho cả anh T án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, tại phiên tòa bị đơn (Anh Trần Văn T) vắng mặt và có quan điểm đề Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị B về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị B và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 22 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay không quan tâm tới nhau, nay cả hai đều xin ly hôn. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị B và anh Trần Văn T là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 cháu Trần Minh N, sinh ngày 12/01/2014; hiện cháu Minh N đang ở với chị Đinh Thị B. Xét yêu cầu nuôi con của cả hai anh chị; Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, bản thân chị B đã chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh N từ nhỏ đến nay, còn anh T đang đi du học nên điều kiện nuôi con gặp nhiều khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Minh N cho chị Đinh Thị B nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chấp nhận ý kiến của chị B và anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung; anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho chị Đinh Thị B.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác cả hai anh chị đều không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Đinh Thị B xin chịu toàn bộ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị B và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2014 cho chị Đinh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Trần Minh N đủ 18 tuổi và lao động tự lập được.

Chị Đinh Thị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Đinh Thị B phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005753 ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam (Chị Đinh Thị B đã nộp đủ).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã N, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đức Thủy**